Số: 1803/QĐ-UBND
Thời gian ký: 10/08/2020 13:51:41 +07:00

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

Biểu số 67/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN NĂM 2018

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số: 1803 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán								Quyết toán								So sánh (%)				
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu		
				Tổng số	Gồm							Tổng số	Gồm							Tổng số	Gồm	
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia				Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia				Vốn ngoài nước	Vốn trong nước
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ	**5.942.825**	**5.266.968**	**675.857**	**-**	**675.857**			**-**	**6.726.649**	**5.266.968**	**1.459.681**	**-**	**1.459.681**			**-**	**###**	**100**	**216**		**216**
1	TP. Buôn Ma Thuột	149.214	120.974	28.240		28.240				221.702	120.974	100.728		100.728				149	100	357		357
2	Huyện Ea H'Leo	431.987	383.893	48.094		48.094				475.163	383.893	91.270		91.270				110	100	190		190
3	Huyện Ea Súp	370.812	329.910	40.902		40.902				463.308	329.910	133.398		133.398				125	100	326		326
4	Huyện Krông Năng	451.178	404.627	46.551		46.551				495.707	404.627	91.080		91.080				110	100	196		196
5	Thị Xã Buôn Hồ	338.670	304.949	33.721		33.721				369.905	304.949	64.956		64.956				109	100	193		193
6	Huyện Buôn Đôn	329.875	290.301	39.574		39.574				370.977	290.301	80.676		80.676				112	100	204		204
7	Huyện Cư M'gar	529.493	482.328	47.165		47.165				592.064	482.328	109.736		109.736				112	100	233		233
8	Huyện Ea Kar	472.117	414.710	57.407		57.407				535.899	414.710	121.189		121.189				114	100	211		211
9	Huyện M'Drắk	366.683	324.226	42.457		42.457				439.907	324.226	115.681		115.681				120	100	272		272
10	Huyện Krông Pắc	728.705	670.512	58.193		58.193				793.347	670.512	122.835		122.835				109	100	211		211
11	Huyện Krông Ana	353.556	306.251	47.305		47.305				382.366	306.251	76.115		76.115				108	100	161		161
12	Huyện Krông Bông	400.737	352.221	48.516		48.516				453.732	352.221	101.511		101.511				113	100	209		209
13	Huyện Lắk	361.148	305.582	55.566		55.566				415.492	305.582	109.910		109.910				115	100	198		198
14	Huyện Cư Kuin	409.064	367.222	41.842		41.842				434.697	367.222	67.475		67.475				106	100	161		161
15	Huyện Krông Búk	249.586	209.262	40.324		40.324				282.382	209.262	73.120		73.120				113	100	181		181